

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.202**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 26/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0159	Đàm Hữu Anh	29/01/1995				
2	TA0160	Đặng Tiến Trung	29/07/1980				
3	TA0109	Nguyễn Trọng Thành	06/02/1992				
4	TA0110	Lê Vĩnh Sơn	07/10/1975				
5	TA0111	Dương Vũ Giang	14/02/1982				
6	TA0112	Hoàng Trà My	27/11/1991				
7	TA0113	Nguyễn Quang Minh	07/05/1970				
8	TA0114	Hoàng Văn Lâm	23/09/1995				
9	TA0115	Mạc Quang Hoan	16/12/1979				
10	TA0116	Phương Thị Hồng	06/06/1994				
11	TA0117	Nguyễn Minh Đức	30/01/1979				
12	TA0118	Trần Xuân Trường	06/04/1980				
13	TA0119	Phạm Minh Hải	23/12/1992				
14	TA0120	Phạm Anh Tuấn	17/11/1990				
15	TA0121	Lê Minh Đạo	03/01/1996				
16	TA0122	Nguyễn Ánh Tuyết	11/03/1981				
17	TA0123	Nguyễn Thành Ước	10/08/1981				
18	TA0124	Bùi Thị Thủy	11/17/1973				
19	TA0125	Đới Đăng Vinh	17/01/1989				
20	TA0126	Vũ Xuân Vượng	20/06/1989				
21	TA0127	Lương Văn Toàn	16/02/1990				
22	TA0128	Bùi Xuân Hiến	03/05/1987				
23	TA0129	Nguyễn Xuân Đô	04/10/1980				
24	TA0130	Phan Duy An	27/09/1985				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)